

Thương mại hóa sáng chế trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam

Nguyễn Hồng Điệp, Phùng Minh Hải

Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ

Bài viết đề cập đến vấn đề thương mại hóa sáng chế (SC) trong lĩnh vực nông nghiệp và những khó khăn trong quá trình đưa SC trong lĩnh vực này ra thị trường. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp ở nước ta.

Thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp được phân làm 2 loại hình chính là nông nghiệp thuần và nông nghiệp chuyên sâu. Nông nghiệp thuần hay nông nghiệp sinh nhai là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có đầu vào hạn chế, sản phẩm đầu ra chủ yếu phục vụ cho chính gia đình của mỗi người nông dân; trong nông nghiệp sinh nhai không có sự cơ giới hóa. Nông nghiệp chuyên sâu là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được chuyên môn hóa trong tất cả các khâu sản xuất, gồm cả việc sử dụng máy móc trong trồng trọt, chăn nuôi hoặc trong quá trình chế biến sản phẩm nông nghiệp. Nông nghiệp chuyên sâu có nguồn đầu vào sản xuất lớn, bao gồm cả việc sử dụng hóa chất diệt sâu, diệt cỏ, phân bón, chọn lọc, lai tạo giống, nghiên cứu các giống mới và mức độ cơ giới hóa cao. Sản phẩm đầu ra chủ yếu dùng vào mục đích thương mại, làm hàng hóa bán ra trên thị trường hay xuất khẩu. Các hoạt động trên trong sản xuất nông nghiệp chuyên sâu

là sự cố gắng tìm mọi cách để có nguồn thu nhập tài chính cao nhất từ nông sản, các sản phẩm được chế biến từ ngũ cốc hay vật nuôi¹...

SC thuộc lĩnh vực nông nghiệp trong bài viết này được hiểu là các giải pháp kỹ thuật có thể áp dụng trong cả nông nghiệp sinh nhai và nông nghiệp chuyên sâu nhằm hỗ trợ cho người trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản, chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

Để tìm hiểu về hoạt động SC trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành thu thập dữ liệu từ Thư viện số về sở hữu công nghiệp (IP Lib) của Cục Sở hữu trí tuệ (tại địa chỉ: <http://iplib.noip.gov.vn/WebUI/WSearchPAT.php>), sau đó sử dụng Bảng phân loại SC quốc tế (International Patent Classification - bảng phân loại này được sử dụng ở hầu hết các quốc gia, cung cấp một hệ thống thứ bậc của các ký hiệu ngôn ngữ)

¹https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p.

để phân loại các SC và giải pháp hữu ích (GPHI) theo các lĩnh vực công nghệ khác nhau mà chúng thuộc về.

Kết quả thống kê số lượng bằng SC và GPHI được cấp từ 1981 đến tháng 12/2015 trong lĩnh vực nông nghiệp của người Việt Nam được trình bày trong bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy, sau hơn 30 năm số bằng độc quyền SC và GPHI được cấp trong lĩnh vực nông nghiệp của người Việt Nam là 219 (chiếm 14,4% tổng số bằng độc quyền SC và GPHI của người Việt Nam). Đây cũng là điều dễ hiểu trong bối cảnh chung của nước ta là số lượng bằng SC và GPHI khá khiêm tốn.

Ngoài việc khai thác dữ liệu từ Thư viện số, chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát trực tiếp, phỏng vấn sâu 57 nhà SC, doanh nghiệp, tổ chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp tại 3 tỉnh/thành phố phía Bắc (Hà Nội, Thái Bình, Hải Phòng) và 2 tỉnh/thành phố phía Nam (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai) về hoạt động thương

Bảng 1: bảng độc quyền SC/GPHI trong lĩnh vực nông nghiệp của người Việt Nam (1981-2015)

Năm	Bảng độc quyền SC/GPHI trong lĩnh vực nông nghiệp			Tổng số bảng độc quyền SC/GPHI của người Việt	Tỷ lệ SC/GPHI nông nghiệp (%)
	SC	GPHI	Tổng		
1981-1993	38	13	51	220	23,2
1994	0	1	1	23	4,3
1995	0	1	1	11	9,1
1996	0	0	0	9	0,0
1997	0	1	1	8	12,5
1998	2	3	5	8	62,5
1999	1	1	2	19	10,5
2000	2	2	4	20	20,0
2001	2	3	5	24	20,8
2002	2	2	4	30	13,3
2003	4	5	9	45	20,0
2004	0	2	2	66	3,0
2005	3	5	8	68	11,8
2006	4	7	11	89	12,4
2007	2	5	7	83	8,4
2008	5	2	7	87	8,0
2009	3	7	10	74	13,5
2010	1	4	5	64	7,8
2011	4	8	12	86	14,0
2012	4	6	10	104	9,6
2013	10	15	25	133	18,8
2014	9	12	21	102	20,6
2015	8	10	18	149	12,1
Tổng	104	115	219	1.522	14,4

(Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, các đối tượng tham gia khảo sát gặp nhiều khó khăn trong quá trình thương mại hóa SC (bảng 2).

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, hầu hết các nhà SC, doanh nghiệp nông nghiệp đều mong muốn Nhà nước có những chính sách hỗ trợ cho các SC trong lĩnh

Bảng 2: các khó khăn trong hoạt động thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp

STT	Khó khăn	Rất đồng ý	Đồng ý
1	Khó khăn về vốn và huy động vốn	47,4%	45,6%
2	Khó khăn về thủ tục hành chính: giấy phép kinh doanh, giấy phép lưu hành sản phẩm	26,3%	50,9%
3	Xung đột lợi ích giữa nhà SC và các bên liên quan	17,5%	33,3%
4	SC dễ bị làm nhái	38,6%	45,6%
5	Khó khăn trong việc định giá và đánh giá SC	35,1%	31,6%
6	Khó khăn trong việc xác định nhu cầu thị trường	15,8%	43,9%
7	Các tổ chức trung gian hỗ trợ, tư vấn thông tin về SC, công nghệ, năng lực còn hạn chế	17,5%	47,4%

vực nông nghiệp như: ưu đãi thuế, tín dụng, hỗ trợ trực tiếp, khuyến khích đầu tư... Cụ thể: chính sách ưu đãi thuế có 55,6% rất đồng ý và 38,9% đồng ý; chính sách ưu đãi tín dụng có 40% rất đồng ý và 45,5% đồng ý; chính sách hỗ trợ trực tiếp có 53,6% rất đồng ý và 39,3% đồng ý; chính sách khuyến khích đầu tư có 63% rất đồng ý và 31,5% đồng ý...

Như vậy có thể thấy, hoạt động thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn. Các nhà SC, doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực nông nghiệp rất mong muốn có những biện pháp, chính sách cụ thể từ phía Nhà nước nhằm hỗ trợ hoạt động thương mại hóa SC trong lĩnh vực này.

Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam

Để thúc đẩy hơn nữa hoạt động thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp, trong thời gian tới cần có những giải pháp cụ thể như:

Một là, nâng cao số lượng và chất lượng SC. Chúng ta đều biết SC là giải pháp, quy trình kỹ thuật nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể, vì vậy một công nghệ có thể được tạo ra bởi một hoặc nhiều SC. Có rất nhiều SC của Việt Nam mang tính chất nhỏ lẻ, không hình thành nên được một công nghệ, do vậy rất khó thương mại hóa. Ngoài ra, nhà SC khi nghiên cứu ít để ý đến nhu cầu của thị trường, nhiều khi nghiên cứu vì đam mê và giải quyết vấn đề trước mắt, trong khi để thương mại hóa được thì yếu tố thị trường là vô cùng quan trọng, chính yếu tố này sẽ quyết định doanh nghiệp có đầu tư vào SC đó hay không.

Như vậy có thể thấy, SC của Việt Nam nói chung và trong

nông nghiệp nói riêng hiện nay vừa thiếu về số lượng vừa yếu về khả năng thương mại hóa. Do đó, việc trước tiên để thúc đẩy hoạt động thương mại hóa SC nông nghiệp là Nhà nước cần có những giải pháp cụ thể giúp tăng số lượng và chất lượng SC trong nông nghiệp như: hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ SC; tuyên truyền, cập nhật các thông tin về sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xây dựng phương án thương mại hóa cho các SC nông nghiệp, hỗ trợ kinh phí hoàn thiện quy trình công nghệ và sản xuất thử nghiệm...

Hai là, giảm thiểu thủ tục hành chính phức tạp. Để đưa được một SC ra thị trường không đơn giản. Nếu SC là một công nghệ cụ thể thì việc phải đáp ứng được các tiêu chí lưu hành sản phẩm là quá trình dài hơi. Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, thủ tục hành chính cấp phép cho sản phẩm rườm rà, kéo dài. Ví dụ, để xin cấp phép cho một chế phẩm bảo vệ thực vật, phải đáp ứng yêu cầu của Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật thì phải có hồ sơ thử độc tính cho sản phẩm, thời gian thử nghiệm dài (3-5 tháng), nếu phòng thí nghiệm Việt Nam không đạt chuẩn, phải gửi mẫu ra nước ngoài... Do đó, để khuyến khích các nhà SC, các doanh nghiệp đầu tư vào khai thác, thương mại hóa SC nông nghiệp, Nhà nước cần tạo điều kiện giảm thiểu các thủ tục phức tạp, đẩy nhanh tiến độ trong hoạt động cấp phép.

Ba là, hỗ trợ hoạt động định giá SC. Hiện nay, các công ty thẩm định giá được cấp phép chủ yếu chỉ thẩm định giá về tài sản hữu hình, còn tài sản vô hình chưa có nhiều điều kiện để làm. Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Tài

chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCBTC ngày 17/12/2014 quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng đến nay rất ít nhà SC biết đến Thông tư này và đơn vị nào có thể giúp họ định giá được SC. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh hoạt động định giá tài sản trí tuệ, đồng thời tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin về hoạt động định giá của các công ty thẩm định giá đến các nhà SC, giúp họ xác định được giá trị SC của mình, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao, mua bán và góp vốn bằng giá trị SC.

Bốn là, hỗ trợ vốn, các chính sách ưu đãi tín dụng. Việc thương mại hóa SC trong lĩnh vực nông nghiệp là một khó khăn lớn khi hầu hết các nhà SC phải tự thân tìm kiếm nguồn vốn hoặc đối tác để đầu tư sản xuất. Trong khi đó ngành nông nghiệp là ngành cần nhiều vốn, thời gian thực hiện kéo dài, nên thời gian thu hồi vốn lâu, vòng quay vốn chậm, lợi nhuận không cao và nhiều rủi ro. Do vậy, vốn và các chính sách ưu đãi tín dụng là rất cần thiết. Nhà SC rất cần tiếp cận các nguồn vốn với những chính sách ưu đãi, giải ngân nhanh và thời gian trả lâu dài, có như vậy thì nhà SC, nhà đầu tư mới có thể yên tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài ra, trong thời gian tới, Nhà nước nên có quy định về thế chấp tài sản vô hình (trong đó bao gồm SC) để các nhà SC có thể mang ra làm tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng, giải quyết được khó khăn thiếu vốn.

Năm là, tăng cường liên kết 4 nhà. Trong những năm qua, chúng ta đã thực hiện liên kết "4 nhà" (nhà nước, nhà khoa học,

nhà doanh nghiệp và nhà sản xuất) giúp người nông dân được tiếp cận với nhiều giống cây, con mới có năng suất, chất lượng cao... Tuy nhiên, rất nhiều nhà SC thương mại hóa thất bại do việc không liên kết được với doanh nghiệp là một trong các nguyên nhân chủ yếu. Nhà nước hiện nay chưa có nhiều chính sách cụ thể để hỗ trợ liên kết giữa doanh nghiệp và nhà SC, chưa chia sẻ rủi ro được với các bên, vì vậy doanh nghiệp chưa mặn mà đầu tư vào nông nghiệp vì bản thân hoạt động sản xuất nông nghiệp thường hay gặp rủi ro, nhất là với một nước chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu như Việt Nam. Doanh nghiệp luôn đặt lợi nhuận lên hàng đầu, trong khi đó việc thương mại hóa SC, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ lại mất rất nhiều thời gian để chứng minh hiệu quả. Do đó, để liên kết "4 nhà" thực sự đi vào chiều sâu và có chất lượng, trong thời gian tới, cần có nhiều chính sách cụ thể để thúc đẩy hoạt động này trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Sở hữu trí tuệ, 2005.
2. Nguyễn Hữu Cẩn (2009), Nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng phương pháp định giá sáng chế áp dụng cho Việt Nam.
3. WIPO (1996), Introduction to commercialization of patented inventions (Different options: manufacturing, licensing patent rights, selling patent rights).
4. WIPO (2015), Gary N. Keller, Chief Executive Officer (CEO), Xomix Ltd, Chicago, United States of America, Guide on intellectual property (IP) commercialization.
5. U.S. Congress, Office of Technology Assessment, *Innovation and Commercialization of Emerging Technology*, OTA-BP-ITC-165 (Washington, DC: U.S. Government Printing Office, September 1995).
6. European IPR Helpdesk (2015), Commercialising Intellectual Property: Joint Ventures.